

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HS-ST
Ngày: 14 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm.

Thẩm phán: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Tý; bà Lê Kim Thủy; bà Đặng Hồng Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Hà Thanh Tùng; ông Trần Vũ Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 14/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Nhất T, ngày sinh 26/5/2004; tại: Thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Số A, đường M, khóm D, phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 8/12; con ông Trần Trọng N và bà Hồ Thị Tú N1; tiền sự: không; tiền án: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/12/2023 cho đến nay. (có mặt)

- Những người tham gia tố tụng khác:

- Người bào chữa: Ông Hồ Quốc T1 là Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh H, bào chữa chỉ định cho bị cáo. (có mặt)

- Bị hại: Lê Thị Mỹ T2, sinh năm: 1999; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Hoàng P, sinh năm: 1973; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

2. Hồ Thị Tú N1, sinh năm: 1987; nơi cư trú: Số B, đường P, phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3. Ngô Văn T3, sinh năm: 1969; nơi cư trú: Số B, đường P, phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Lê Thùy N2, sinh năm: 1971. (có mặt)

2. Lê Thị Trà M, sinh năm: 2006. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 05 giờ 30 phút ngày 01/8/2023, Công an xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang nhận được tin báo của bà Lê Thùy N2 về việc cháu bà tên Lê Thị Mỹ T2 bị đối tượng tên là Trần Nhất T dùng xăng tạt vào người và sử dụng hộp quẹt gas để châm lửa đốt. Qua điều tra xác định:

Vào khoảng tháng 6/2023, Trần Nhất T và Lê Thị Mỹ T2, quen biết nhau qua mạng xã hội Facebook và phát sinh quan hệ yêu đương với nhau. Đến giữa tháng 7/2023 T đến nhà T2 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang chơi và phụ giúp nuôi ông nội của T2 đang điều trị bệnh tại Bệnh viện Đ. Sau đó, T ở lại tại nhà T2. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 01/8/2023, T và T2 mua 05 lon bia về uống tại phòng ngủ nhà của T2 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Đến khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày thì T2 uống không nổi nên ngủ tại phòng của T2 còn T thì lấy điện thoại của T2 chơi G được khoảng 10 phút thì bạn của T2 tên N3 (không rõ họ tên cụ thể) ở nước ngoài gọi vào điện thoại của T2 qua ứng dụng Messenger thì T tắt không nghe mà nhắn tin lại qua ứng dụng Messenger “T2 ngủ rồi” nên N3 nhắn tin lại “Vài ngày nữa N3 về nước kêu T và T2 rước con của T2 đến nhà chơi” Thiên nhắn tin lại “Thiên và T2 có đến rước con của T2 đi chơi nhưng chồng cũ của T2 không cho dẫn đến cự cãi nên không thể rước con của T2 đi được”. Sau đó Thiên xóa cuộc gọi và tin nhắn với N3, khi xóa xong N3 có nhắn lại chúc ngủ ngon tin nhắn này T không xóa. Lúc này, khoảng 02 giờ cùng ngày T dọn dẹp ca với ly bia để ngủ thì T2 thức dậy lấy điện Thoại của T2 ra xem thì phát hiện tin nhắn của N3 nên T2 hỏi T gọi điện thoại và nhắn tin cho N3 hay gì. T nói có và đã xóa rồi thì T2 nói T điện thoại, nhắn tin cho

N3 để mượn tiền hay gì. T nói không nên T và T2 xảy ra cự cãi với nhau, T bỏ đi ra vòng nhà trước nằm tiếp tục nhắn tin cự cãi và chửi nhau qua lại với T2. Sau đó, T tức giận nên kêu T2 ra mở cửa để T về Sóc Trăng nếu không mở cửa thì đốt nhà. T2 liền ra mở cửa và đứng trước sân còn Thiên gom quần áo vào ba lô và nói hai đứa chia tay thì T2 nói ừ, nên T nảy sinh ý định dùng xăng đổ vào người T2 và T để đốt cháy cho T2 và T cùng chết. Sau đó, T đi vào nhà sau đến cặp tủ lạnh lấy chai nước (loại chai nước nhãn hiệu Dasani) dung tích khoảng 500ml rồi đến xe Honda của cha T2 rút ống bình xăng con cho xăng vào chai nước suối được khoảng nửa chai, T đi lấy hộp quẹt màu đỏ trên đầu tủ bàn thờ Thần Tài rồi tiến đến trước sân nhà chỗ T2 đứng. Khi đứng đối diện với T2 khoảng 20 đến 30 cm, T dùng tay trái cầm chai nước suối đựng xăng đổ từ cổ T2 xuống thân người, còn một ít xăng trong chai T đổ vào người T và tay phải của T cầm hộp quẹt bật lửa châm vào người T cháy. Lúc này, lửa cháy rất nhanh và bắt qua làm người T2 bốc cháy thì T2 la lên nên chị của T2 tên Lê Thị Trà M (M và T2 là chị em cô cậu ruột, sống chung và ngủ cùng nhà với T2) thức dậy chạy ra khỏi nhà la lên, còn T thì dập lửa cho bản thân và chạy vào nhà sau lấy xô nước đổ vào người T2 để dập lửa. Hậu quả, T và T2 đều bị bỏng nên M điện thoại cho xe cứu thương chở cả hai đến Bệnh viện Đ điều trị.

Tại Bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 799/KLTTCT-TTPYCT ngày 30/11/2023 của Trung tâm P1, Sở Y tế thành phố C, kết luận:

“1. Các kết quả chính:

- Các vết bỏng da hình dạng phức tạp ở vùng mặt, vùng cổ chiếm 03% diện tích cơ thể đã được điều trị. Hiện tại các vết bỏng da chưa lành hoàn toàn, một số vị trí còn rỉ dịch.

- Các vết bỏng da hình dạng phức tạp ở toàn bộ vùng ngực, vùng bụng, vùng hông và lưng hai bên chiếm 27% diện tích cơ thể đã được điều trị. Hiện tại các vết bỏng da chưa lành hoàn toàn, một số vị trí còn rỉ dịch.

- Các vết bỏng da hình dạng phức tạp ở vùng vai và toàn bộ hai tay chiếm 18% diện tích cơ thể đã được điều trị. Hiện tại các vết bỏng da chưa lành hoàn toàn, một số vị trí còn rỉ dịch, hạn chế vận động khớp vai hai bên.

- Các vết bỏng da ở vùng đùi hai bên chiếm 05% diện tích cơ thể đã được điều trị. Hiện tại các vết bỏng da chưa lành hoàn toàn, một số vị trí còn rỉ dịch.

2. Kết luận:

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Thị Mỹ T2 tại thời điểm giám định là 64% (Sáu mươi bốn phần trăm).

Tại Cáo trạng số 10/CT-VKSHG-P1 ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo Trần Nhất T về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây gọi là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối bị cáo T như Cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Nhất T phạm tội “Giết người”. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm a, b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 15; Điều 57 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Nhất T mức hình phạt tù từ 11 đến 12 năm tù

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại tại phiên tòa. Bị cáo phải có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 150.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) bật lửa (quẹt gas) đã qua sử dụng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thống nhất yêu cầu bồi thường của bị hại. Lời nói sau cùng bị cáo xin lỗi bị hại, gia đình bị hại, mong Hội đồng xét xử xem xét mức án nhẹ nhất cho bị cáo để sớm trở về lo cho gia đình.

Phát biểu bào chữa cho bị cáo: Người bào chữa thống nhất với tội danh và điều luật đã truy tố đối với bị cáo. Thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng cho bị cáo, ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt, cha và mẹ bị cáo ly hôn khi bị cáo mới 02 tuổi, mẹ bị cáo đi làm thuê bị cáo phải ở chung với bà ngoại già yếu, đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định mức hình phạt thấp nhất đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị hại yêu cầu xử lý nghiêm đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự ngoài số tiền bị cáo đã bồi thường trước đó thì yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm tổng cộng các khoản chi phí để tiếp tục điều trị là 150.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Nhất T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập được trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả tranh tụng, chứng minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do mâu thuẫn trong chuyện tình cảm nên vào khoảng 02 giờ ngày 01/8/2023, bị cáo T đã có hành vi dùng chai nước có đựng xăng đổ vào người chị Lê Thị Mỹ T2, còn một ít xăng trong chai bị cáo đổ vào người bị cáo rồi bị cáo dùng hột quẹt gas bật lửa đốt để cả hai cùng chết. Hậu quả làm chị Lê Thị Mỹ T2 bị bỏng với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 64%. Giữa bị cáo và bị hại chỉ phát sinh mâu thuẫn nhỏ nhất, nhưng bị cáo đã dùng xăng đốt bị hại, hậu quả bị hại không chết là do được cứu chữa kịp thời. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Giết người” với tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo với tội danh và khung hình phạt như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc sử dụng xăng là chất lỏng nguy hiểm có khả năng gây cháy nhanh khi tiếp xúc lửa và khi đổ lên người có khả năng gây chết người, nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội để thỏa mãn sự bức tức của bản thân. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng của người khác được pháp

luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương nên cần thiết có hình phạt nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm tội chung.

[4] Về nhân thân bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại một phần; bị cáo chạy vào nhà sau lấy xô nước để dập lửa cho bị hại nên xem xét đây là tình tiết bị cáo đã làm giảm bớt tác hại của tội phạm. Các tình tiết giảm nhẹ này được áp dụng cho bị cáo theo quy định tại điểm a, b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên áp dụng quy định tại Điều 15, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

[8] Đối với đề nghị của Luật sư bào chữa áp dụng cho bị cáo Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, mặc dù bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nhưng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và hậu quả mà bị cáo gây ra cho bị hại thì mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Luật sư bào chữa.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường thêm số tiền 150.000.000 đồng theo yêu cầu của bị hại. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 (một) bật lửa (quẹt gas) đã qua sử dụng không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[11] Về án phí: Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm a, b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Nhất T phạm tội “Giết người”.

Xử phạt bị cáo Trần Nhất T 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/12/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và bị hại tại phiên tòa. Bị cáo phải có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho bị hại tổng các khoản là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bật lửa (quẹt gas) đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, chứng cứ ngày 02/4/2024 giữa Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang và Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Nhất T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Hữu Thắng

Phạm Hoàng Lâm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Lê Xuân Tý

Lê Kim Thủy

Đặng Hồng Luyện